



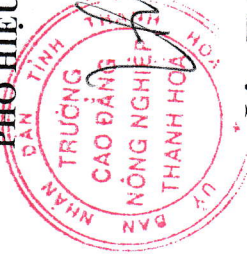
|                   |       |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
|-------------------|-------|---------------------------------------------|--------|--------------------------|---|--------------------------|---|-------------------------------------|---|------------------------|---|
| CNTY63A3<br>P.102 | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Định dưỡng thức ăn (Lệ)    | I<br>3 | GPSL vật nuôi (Hàng)     | 4 | Chính trị (Quốc)         | 4 | Tiếng anh (Linh)                    | 4 | Khuyến nông (Thọ)      | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| CNTY63A4<br>P.103 | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Khuyến nông (Lịch)         | I<br>3 | DD thức ăn CN (Hòa)      | 4 | Tiếng anh (K.Nhung)      | 4 | GPSL vật nuôi (Hàng)                | 4 | Chính trị (Tài)        | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| KTDN62A<br>P.302  | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Thống kê DN (Thúy)         | I<br>3 | Tin học kế toán (Mai)    | 4 | Kế toán DN1 (P.Thảo)     | 4 | Kế toán DN2 (Q.Mai)                 | 4 | Kế toán NSXP (Hoa)     | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| KTDN62B           | Sáng  | Kế toán DN2 (T.Thảo)                        | 5      | Kế toán DN1 (Dung)       | 5 | Tin học kế toán (Mai)    | 5 | Kế toán DN2 (T.Thảo)                | 5 | Kế toán DN1 (Dung)     | 5 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| KTDN63A<br>P.104  | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Kỹ năng mềm (Son)          | I<br>3 | Tin học (Hà)             | 4 | Nguyên lý TK (Hoa)       | 4 | Kinh tế vi mô (Thúy)                | 4 | Tiếng anh (K.Nhung)    | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| KTDN63B           | Sáng  | Kỹ năng mềm (Dung)                          | 4      | Tiếng anh (T.Nhung)      | 4 | GDTC (Quang)             | 4 | Tiếng anh (T.Nhung)                 | 4 | Kinh tế vi mô (T.Thảo) | 5 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| CNTT62A<br>P.THTH | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>HĐH Windows Sever (Phuong) | I<br>3 | XD và QL Website (Quang) | 4 | Lập trình Window (Thảo)  | 4 | Lắp ráp và bảo trì máy tính (Quang) | 4 | XD phần mềm QL BH (Hà) | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| CNTT63A1<br>P.203 | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Chính trị (Quốc)           | I<br>3 | Pháp luật (Nga)          | 4 | Tiếng anh (Ly)           | 2 | Tin học VP (Phuong)                 | 4 | Tiếng anh (Ly)         | 2 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| CNTT63A2<br>P.202 | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Chính trị (Thắm)           | I<br>3 | GDTC (Hội)               | 4 | Tin học VP (Thảo)        | 4 | Tiếng anh (Linh)                    | 4 | Tin học (Phuong)       | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| ĐCN62A<br>P.A101  | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Cung cấp điện (Đ.Đức)      | I<br>3 | Trang bị điện (Nga)      | 4 | Cung cấp điện (Đ.Đức)    | 4 | Kỹ thuật điện tử (Dương)            | 4 | Cung cấp điện (Đ.Đức)  | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |
| ĐCN62B            | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Trang bị điện (Nga)        | I<br>4 | Cung cấp điện (Đ.Đức)    | 4 | Kỹ thuật điện tử (Dương) | 4 | Cung cấp điện (Đ.Đức)               | 4 | Trang bị điện (Nga)    | 4 |
|                   | Chiều |                                             |        |                          |   |                          |   |                                     |   |                        |   |



| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN |           |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
|----------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------|--------|------------------------------|-------|--------------------------------|---|--------------------------------|----------|------------------------------|---|
| THỨ / LỚP                                    |           | Thứ 6                                        |        |                              | Thứ 7 |                                |   | Chủ nhật                       |          |                              |   |
| ĐCNC63A1<br>P.A102                           | Sáng      | Sinh hoạt lớp<br>GDQP - AN (Mạnh)            | 1<br>3 | Tin học (Phương)             | 4     | GDQP - AN (Mạnh)               | 4 | GDQP - AN (Mạnh)               | 4        | GDQP - AN (Mạnh)             | 4 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| ĐCNC63A2<br>P.A301                           | Sáng      | Sinh hoạt lớp<br>Tin học (Hà)                | 1<br>3 | Chính trị (Quế)              | 4     | Mạch điện (Huyền)              | 4 | Mạch điện (Huyền)              | 4        | Pháp luật (Huyền)            | 4 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| ĐCNC63A3<br>P.A302                           | Sáng      | Sinh hoạt lớp<br>GDTC (Hội)                  | 1<br>3 | Chính trị (Tài)              | 4     | Mạch điện (A.Đức)              | 4 | Pháp luật (Huyền)              | 4        | Mạch điện (A.Đức)            | 4 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| ĐCNC63B                                      | Sáng      | Sinh hoạt lớp<br>Mạch điện (Huyền)           | 1<br>3 | Tiếng anh (T.Nhung)          | 4     | GDTC (Quang)                   | 4 | Tiếng anh (T.Nhung)            | 4        | Mạch điện (Huyền)            | 5 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| TL62                                         | Sáng      | Sinh hoạt lớp<br>Duy tu, BDCT thủy lợi (Hòa) | 1<br>4 | Bảo vệ môi trường<br>(N.Đức) | 4     | Duy tu, BDCT thủy lợi<br>(Hòa) | 4 | Duy tu, BDCT thủy lợi<br>(Hòa) | 4        | Bảo vệ môi trường<br>(N.Đức) | 4 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| TL63B                                        | Sáng      | Sinh hoạt lớp<br>KT An toàn LĐ (Hòa)         | 1<br>3 | Tiếng anh (T.Nhung)          | 4     | GDTC (Quang)                   | 4 | Tiếng anh (T.Nhung)            | 4        | KT An toàn LĐ (Hòa)          | 5 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| CBTS 63                                      | Sáng      | Vi sinh vật TP (Liên)                        | 4      | Tiếng anh (T.Nhung)          | 4     | GDTC (Quang)                   | 4 | Tiếng anh (T.Nhung)            | 4        | Hóa sinh học TP (Năm)        | 5 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| KTMTT63                                      | Sáng      | Vẽ kỹ thuật (Bình)                           | 4      | Tiếng anh (T.Nhung)          | 4     | GDTC (Quang)                   | 4 | Tiếng anh (T.Nhung)            | 4        | Lý thuyết tàu (Trung)        | 5 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| ĐKTB63                                       | Sáng      | Vẽ kỹ thuật (Bình)                           | 4      | Tiếng anh (T.Nhung)          | 4     | GDTC (Quang)                   | 4 | Tiếng anh (T.Nhung)            | 4        | Lý thuyết tàu (Trung)        | 5 |
|                                              | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN |           |                                              |        |                              |       |                                |   |                                |          |                              |   |
| TT62A2<br>P.305                              | THỨ / LỚP |                                              | Thứ 6  |                              |       | Thứ 7                          |   |                                | Chủ nhật |                              |   |
|                                              | Sáng      |                                              |        |                              |       |                                |   |                                | 1<br>4   |                              |   |
| P.305                                        | Chiều     |                                              |        |                              |       |                                |   |                                | 4<br>4   |                              |   |

|                           |       |                  |   |                                            |   |                           |   |
|---------------------------|-------|------------------|---|--------------------------------------------|---|---------------------------|---|
| TT63A2<br>P.305           | Sáng  | Sinh lý TV (Huệ) | 4 | Sinh hoạt lớp<br>Bệnh cây đại cương (Lịch) | 1 | Côn trùng CK (Huệ)        | 4 |
|                           | Chiều |                  |   |                                            | 4 |                           |   |
| CN62A2<br>CN63A2<br>P.303 | Sáng  | Sinh lý TV (Huệ) | 4 | Sinh hoạt lớp<br>KTNPTB cho lợn (Hưng)     | 1 | Khuyến nông (Bình)        | 4 |
|                           | Chiều |                  |   |                                            | 4 | Dược lý TY (Duyên)        | 5 |
| KTM62                     | Sáng  | Sinh lý TV (Huệ) | 4 | Sinh hoạt lớp<br>KTNPTB cho lợn (Hưng)     | 4 | KT TG (Lệ)                | 4 |
|                           | Chiều |                  |   |                                            | 5 | VHCBHDL chính D.TT (Bình) | 5 |
| DKTB62                    | Sáng  | Sinh lý TV (Huệ) | 4 | Sinh hoạt lớp<br>VHCBHDL chính D.TT (Đông) | 4 | KT nổi hơi TT (Bình)      | 4 |
|                           | Chiều |                  |   |                                            | 5 | ATLĐ hàng hải (Ánh)       | 5 |
|                           |       |                  |   | Điều động tàu 1 (Trung)                    | 4 | ATLĐ hàng hải (Ánh)       | 4 |

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Hương

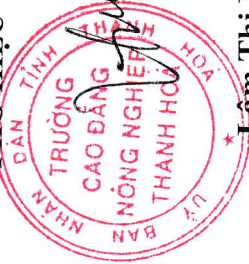
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024  
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
Tuần 11: từ ngày 23/10/2023 đến ngày 29/10/2023

| THỨ<br>LỚP |       | Thứ 2                | Thứ 3                  | Thứ 4                     | Thứ 5               | Thứ 6                  |
|------------|-------|----------------------|------------------------|---------------------------|---------------------|------------------------|
| VH61B      | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp</i> | 1 Địa lý (Ngọc)        | 2 Toán (Quý)              | 4 Hóa học (Vân)     | 2 Vật lý (Hòa)         |
| P.A202     |       | Toán (Quý)           | 3 Ngữ văn (H.Hà)       | 2                         | 2 Lịch sử (Dự)      | 2 Ngữ văn (H.Hà)       |
| VH52B      | Sáng  | Toán (Nhưng)         | 4 Lịch sử (Dự)         | 4 Ngữ văn (Hằng)          | 4 Vật lý (Hòa)      | 4 Toán (Nhưng)         |
|            | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp</i> | 1 Lịch sử (Dự)         | 4 Pháp luật (Nga)         | 4 Địa lý (Thủy)     | 4 Pháp luật (Nga)      |
| VH62B1     | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp</i> | 1 Toán (Tú)            | 4 GDKT và PL (Quyên)      | 4                   | 4 Địa lý (Sáu)         |
|            |       | CĐLC Ngữ văn (H.Hà)  | 3                      | Sinh học (Nga)            | 2                   |                        |
| VH62B3     | Chiều | Ngữ văn (Tâm)        | 4 Lịch sử (Giang)      | 2 Toán (Tú)               | 4 Vật lý (Vân)      | 4 Địa lý (Nhài)        |
| P.A101     |       |                      | CĐLC GDKT và PL (Thắm) | 2                         |                     |                        |
| VH62B4     | Chiều | Lịch sử (Giang)      | 4 Toán (Huấn)          | 4 Hóa học (Thủy)          | 4 Địa lý (Thủy)     | 1 <i>Sinh hoạt lớp</i> |
|            |       |                      |                        |                           |                     | 3 GDKT và PL (Quyên)   |
| VH62B5     | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp</i> | 1 GDKT và PL (Thủy)    | 2 Sinh học (Nga)          | 2 Địa lý (Nhài)     | 4                      |
| P.301      |       | Vật lý (Vân)         | 3 Lịch sử (Giang)      | 2 CĐLC GDKT và PL (Quyên) | 2                   |                        |
| VH63B4     | Chiều | <i>Sinh hoạt lớp</i> | 1 Toán (Quý)           | 4 CĐLC Địa lý (Nhài)      | 2 GDKT và PL (Nga)  | 2 Hóa học (Hà)         |
| P.103      |       | Ngữ văn (Hường)      | 3                      | Địa lý (Nhài)             | 2 Sinh học (Phượng) | 2 Lịch sử (Dự)         |
| VH63B1     | Sáng  | <i>Sinh hoạt lớp</i> | 1 Toán (Nhưng)         | 4 Vật lý (Hòa)            | 4 GDKT và PL (Thủy) |                        |
|            | Chiều | Lịch sử (Giang)      | 4                      |                           |                     | 4 Hóa học (Thủy)       |



|                  |      |                   |   |                      |   |                      |   |                     |   |                   |   |
|------------------|------|-------------------|---|----------------------|---|----------------------|---|---------------------|---|-------------------|---|
| VH63B2<br>P.101  | Sáng | Sinh hoạt lớp     | 1 | GDKT và PL (Quyên)   | 2 | Ngữ văn (Hường)      | 2 | CDLC Lịch sử (Dự)   | 2 | Ngữ văn (Hường)   | 2 |
|                  |      | Hóa học (Hà)      | 2 | Sinh học (Nga)       | 2 | Toán (Nhưng)         | 2 | Ngữ văn (Hường)     | 2 | CDLC Địa lý (Sáu) | 2 |
|                  |      | CDLC Lịch sử (Dự) | 2 |                      |   |                      |   |                     |   |                   |   |
| VH63B3<br>P.102  | Sáng | Sinh hoạt lớp     | 1 | Sinh học (Nga)       | 2 | GDKT và PL (Quyên)   | 2 | Toán (Nhưng)        | 2 | Địa lý (Sáu)      | 2 |
|                  |      | CDLC Lịch sử (Dự) | 2 | CDLC Ngữ văn (Hường) | 2 | CDLC Ngữ văn (Hường) | 2 | Hóa học (Hà)        | 2 | CDLC Lịch sử (Dự) | 2 |
|                  |      | Ngữ văn (Hường)   | 2 |                      |   |                      |   |                     |   |                   |   |
| VH63B5<br>P.A102 | Sáng | Sinh hoạt lớp     | 1 | Toán (Quý)           | 2 | Toán (Quý)           | 2 | Hóa học (Hà)        | 2 | Ngữ văn (Tâm)     | 4 |
|                  |      | Vật lý (Hòa)      | 2 | CDLC Lịch sử (Giang) | 2 | Hóa học (Hà)         | 2 | GDKT và PL (Nga)    | 2 |                   |   |
|                  |      | Toán (Quý)        | 2 |                      |   |                      |   |                     |   |                   |   |
| VH63B6<br>P.203  | Sáng | Sinh hoạt lớp     | 1 | CDLC Lịch sử (Giang) | 2 | Ngữ văn (H.Hà)       | 2 | CDLC Ngữ văn (H.Hà) | 2 | Ngữ văn (H.Hà)    | 2 |
|                  |      | Toán (Quý)        | 2 | GDKT và PL (Nga)     | 2 | Toán (Quý)           | 2 | Địa lý (Chung)      | 2 | Vật lý (Hòa)      | 2 |
|                  |      | Hóa học (Hà)      | 2 |                      |   |                      |   |                     |   |                   |   |
| VH63B7<br>P.202  | Sáng | Sinh hoạt lớp     | 1 | Hóa học (Vân)        | 2 | Toán (Nhưng)         | 2 | Địa lý (Chung)      | 2 | Vật lý (Hòa)      | 2 |
|                  |      | GDKT và PL (Nga)  | 2 | Ngữ văn (H.Hà)       | 2 | Ngữ văn (H.Hà)       | 2 | Toán (Nhưng)        | 2 | Ngữ văn (H.Hà)    | 2 |
|                  |      | Vật lý (Hòa)      | 2 |                      |   |                      |   |                     |   |                   |   |
| VH63B8<br>P.104  | Sáng | Sinh hoạt lớp     | 1 | CDLC Ngữ văn (Hường) | 2 | Lịch sử (Dự)         | 2 | Địa lý (Nhài)       | 4 | CDLC Lịch sử (Dự) | 2 |
|                  |      | Ngữ văn (Hường)   | 2 | Toán (Hương)         | 2 | Sinh học (Phượng)    | 2 |                     |   | Toán (Hương)      | 2 |
|                  |      | GDKT và PL (Nga)  | 2 |                      |   |                      |   |                     |   |                   |   |

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Hương